

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2021
V/v “ Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Đại.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung.

2. Bà Đinh Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST - DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp Quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/QĐDS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2021. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1968;

Chị Vũ thị H - Sinh năm 1974;

Cùng trú tại bản Mỏ Đá, xã Tân Dương, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai -
Có mặt;

- Bị đơn:

Ông Bùi Khắc M - Sinh năm 1955;

Bà Phạm Thị H - Sinh năm 1955;

NĐKHKTT: Tổ 7A, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Tổ 2 A, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Vắng
mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của anh Nguyễn Văn Hà và chị Vũ Thị H có nội dung như sau:

Chị Vũ Thị H là em gái của bà Vũ Thị L công nhân xí nghiệp hoa quả huyện Bảo Yên từ những năm 1979. Năm 1995 chị H xây dựng gia đình với anh Nguyễn Văn H được bà L cho diện tích đất khoảng 14.000 m², Năm 1996 chị H và anh H được UBND huyện Bảo Yên cấp đất lâm nghiệp theo Quyết định số: 399/QĐ-UB ngày 09 tháng 9 năm 1996, đến tháng 3 năm 1997 gia đình anh H được trồng rừng theo dự án 327, đến năm 2009 chị H và anh H được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 880404 tổng diện tích 14.196,3 m² gồm 02 thửa, thửa số 55 tờ bản đồ số 01 và thửa số 01, tờ bản đồ số 12 tại tổ 2A, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Năm 2010 hộ anh H được cấp phép khai thác gỗ dự án 327, cuối năm 2011, đầu năm 2012 ông M và bà H đã lấn chiếm toàn bộ 02 thửa đất trên. Từ thời điểm ông M, bà H lấn chiếm đất, anh Hà và chị H đã nhiều lần đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhưng chưa được giải quyết dứt điểm. Nay anh Hà và chị H khởi kiện yêu cầu ông Bùi Khắc M và bà Phạm Thị H phải di chuyển toàn bộ tài sản ra khỏi 02 thửa đất trên để trả lại quyền sử dụng đất cho anh Hà và chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/01/2021 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định đối với diện tích đất tranh chấp, kết quả thẩm định đã xác định: Diện tích đất tranh chấp tại thửa đất 55, tờ bản đồ 01, diện tích 10.028,8m² trên đất hiện nay ông M và bà H trồng 9.500 cây quế, từng cây cao khoảng 3m; thửa số 01 tờ bản đồ số 12 diện tích 2.498m², trên đất ông M và bà H trồng khoảng 3.000 cây bồ đề và quế 03 năm tuổi, từng cây cao khoảng 3 m, địa chỉ các thửa đất tại tổ 2A, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đối với bị đơn ông Bùi Khắc M và bà Phạm Thị H sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đều từ chối không nhận bất cứ văn bản nào của Tòa án cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều

203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Bùi Khắc M bà Phạm Thị H phải phá dỡ di chuyển toàn bộ cây trồng để trả lại diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 01 và thửa số 01 tờ bản đồ số 12 cho anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H.

Về án phí và chi phí tố tụng bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thửa đất đang tranh chấp có vị trí tại tổ 2A, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên đồng thời ông Bùi Khắc M và bà Phạm Thị H cư trú tại huyện Bảo Yên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên được quy định tại các Điều 26, 35, 36 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự. **Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.**

[2] Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập được cụ thể:

01 Giấy xác nhận của ông Lý Đình T, nguyên Chủ tịch UBND xã Tân Dương xác nhận năm 1992, sau khi xí nghiệp nông công nghiệp xuất khẩu ngừng sản xuất thì Đội 3 đã giao đất cho các hộ công nhân canh tác và sản xuất theo phương thức “Tự túc, tự cấp” để đảm bảo đời sống công nhân trong thời gian chờ đợi Quyết định cấp trên, đến năm 1994, UBND xã Tân Dương tiếp nhận đơn vị hành chính Đội 3- thuộc xí nghiệp Nông, công nghiệp xuất khẩu Bảo Yên (Nay là bản Mỏ đá) về xã Tân Dương. Trong hồ sơ tiếp nhận không có tên cơ sở sản xuất của ông Bùi Khắc M. Thửa đất đang tranh chấp giữa các đương sự trước năm 1994 thuộc quyền sử dụng của xí nghiệp nông công nghiệp xuất khẩu Bảo Yên, ngày 25 tháng 6 năm 1993 xí nghiệp có Quyết định giải **thể số 116/QĐ-UBND**. Ngày 09 tháng 6 năm 1994, UBND tỉnh Lào Cai có Quyết định số 667/QĐ-UB thu hồi toàn bộ đất của xí nghiệp giao cho UBND huyện Bảo Yên quản lý.

Năm 1995 Chị H, anh H được bà Vũ Thị L (chị gái của chị H) cho đất để canh tác. Ngày 09 tháng 9 năm 1996 UBND huyện Bảo Yên cấp đất lâm nghiệp cho anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H theo Quyết định số 399/QĐ-UB; Ngày 01 tháng 01 năm 1998 giữa hộ gia đình anh Nguyễn Văn H và Lâm trường Bảo

Yên lập Hợp đồng trồng, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng trồng và rừng tự nhiên theo Hợp đồng số: 12/HĐKT; Ngày 08 tháng 11 năm 2009 UBND huyện Bảo Yên đã cấp cho anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H 02 thửa: Đất Lâm nghiệp thửa số 55 tờ bản đồ số 01 diện tích 11084,3m² và đất trồng cây lâu năm thửa số 01 tờ bản đồ số 12 diện tích 3112,3m² mang tên hộ ông Nguyễn Văn Hưng, bà Vũ Thị H. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lại lần 2 theo Quyết định số: 1461/2009/QĐ-UBND). Bản tự khai của những người làm chứng tại bản Mỏ đá, xã Tân Dương cũng xác định 02 thửa đất trên anh H và chị H sử dụng từ năm 1995, đến năm 2011 thì ông M và bà H vào tranh chấp và sử dụng.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã xác định được ngày 01 tháng 12 năm 1993 ông Bùi Khắc M, bà Phạm Thị H có đơn gửi UBND huyện Bảo Yên xin đất làm trang trại, UBND huyện Bảo Yên giao cho Kiểm Lâm huyện, Phòng nông nghiệp, Ngân hàng khảo sát khu đất mới, sau đó đoàn cán bộ các ngành chức năng của huyện đã đến khu vực đất đang tranh chấp giữa ông M, bà H và các hộ dân tại Tổ 2A, thị trấn Phố Ràng hiện nay vẽ 01 sơ đồ khoảng 50 ha để báo cáo UBND huyện Bảo Yên. Ngày 15 tháng 12 năm 1993, UBND huyện Bảo Yên đã ghi vào sơ đồ “Đồng ý với sơ đồ do đặc của đoàn cán bộ các ngành chức năng đã lập theo biên bản ngày 04 tháng 12 năm 1993” do Phó chủ tịch UBND huyện thay mặt UBND ký, đóng dấu.

Vì vậy có thể xác định rằng ông M và bà H không được UBND huyện Bảo Yên giao đất mà ông M và bà H chỉ căn cứ vào sơ đồ do của đoàn cán bộ các ngành chức năng của huyện vẽ để sử dụng. Mặt khác ngày 01 tháng 4 năm 1994 Sở Nông Lâm nghiệp tỉnh Lào Cai mới có báo cáo thực hiện phương án giải thể Xí nghiệp nông công nghiệp xuất khẩu Bảo Yên nên khi ông M và bà H đến làm trang trại thì đất vẫn thuộc quyền quản lý của Xí nghiệp nông công nghiệp xuất khẩu Bảo Yên, nên sơ đồ do đặc của các ngành chức năng thuộc UBND huyện Bảo Yên và ký đồng ý với sơ đồ của UBND huyện Bảo Yên là không phù hợp với quy định của pháp luật. **Do vậy ông M và H không có quyền sử dụng đối với diện tích đất có tranh chấp với anh Nguyễn Văn Hưng, chị Vũ Thị H.**

Trong quá trình thẩm định xem xét tại chỗ đã xác định được ông Bùi Khắc M và bà Phạm Thị H chỉ chiếm hữu sử dụng 10.028,8 m² tại thửa số 55, tờ bản đồ số 01 các phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều giáp đất anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H, trên đất ông M và bà H đang trồng 9.500 cây quế từng cây cao khoảng 3 m và 2.498 m² tại thửa số 01 tờ bản đồ số 12 diện, vị trí phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị H, phía Nam giáp đất ruộng hộ bà Phan Thị Nhình, phía Đông giáp đất hộ bà Phạm Thị Nghĩa, phía Tây giáp đất hộ bà Nguyễn Thị Nhung, trên đất ông M và bà H trồng khoảng 3.000 cây bồ đề và quế 03 năm tuổi, từng cây cao khoảng 3 m.

Cần buộc ông Bùi Khắc M và bà Phạm Thị H phải chặt và di dời toàn bộ cây trồng và cây tự nhiên trên 02 thửa đất trên, để trả lại anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H các diện tích đất tranh chấp trên là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng, quá trình giải quyết vụ án anh H và chị H đã nộp 10.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và anh chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu. Cần buộc ông Bùi Khắc M và bà Nguyễn Thị H phải trả bà anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H số tiền chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ là 10.000.000 đồng.

[4] Về án phí các bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H.

- Buộc ông Bùi Khắc M và bà Phạm Thị H phải chặt và di dời toàn bộ cây trồng và cây tự nhiên để trả lại anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H diện tích 10.028,8 m² tại thửa số 55, tờ bản đồ số 01. Vị trí diện tích đất đang tranh chấp các phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều nằm trong thửa đất số 55, tờ bản đồ số 01 và 2.498 m² tại thửa số 01 tờ bản đồ số 12, vị trí phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị H, phía Nam giáp đất ruộng hộ bà Phan Thị Ninh, phía Đông giáp đất hộ bà Phạm Thị Nghĩa, phía Tây giáp đất hộ bà Nguyễn Thị Nhung. (Có sơ đồ đo đạc ngày 18 tháng 01 năm 2021 kèm theo).

Các thửa đất trên tại tổ 2A, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

2. Về chi thẩm định xem xét tại chỗ:

Buộc ông Bùi Khắc M và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng. Quy phân cụ thể: Ông Bùi Khắc M phải trả anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Bà Phạm Thị H phải trả anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị H số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi xuất đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với

thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn Hà và chị Vũ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Hà và chị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001932 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Các bị đơn Bùi Khắc M, Phạm Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện(2);
- Chi cục THADS huyện (2);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ (2);
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại

